

BẢN CÁO BẠCH

2020

Chúng tôi đem đến những giá trị ổn định, sản phẩm đầu tư sinh lời với tỷ suất lợi nhuận ổn định hằng năm, linh hoạt trong chu kỳ thanh toán, một kênh đầu tư hấp dẫn dành cho Nhà Đầu Tư trong năm 2020



**ANGEL 1
INVESTMENT**

Invest in your future



[HTTPS://AF1.VN](https://af1.vn)

Bản Cáo Bạch

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN THẦN 1 (AF1)

Giấy đăng ký kinh doanh số 0315839568 Do Sở KH&ĐT TP.HCM Cấp ngày 08/08/2019

Ngày đăng ký Bản Cáo Bạch: 31/01/2020

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

Công ty cổ phần Đầu tư Thiên Thần 1

Trụ sở chính: 35 Bến Vân Đồn, P12, Q4, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 35 Bến Vân Đồn, P12, Q4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại: (+84) 286 650 3944 Fax: (+84) 286 650 3944
- Email: investor@af1.vn hoặc info@af1.vn
- Website: www.af1.vn

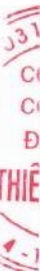
NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

Bản Cáo Bạch cập nhật mới nhất cùng các tài liệu của công ty (Điều lệ công ty cùng các quy chế, tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang điện tử của AF1 - www.af1.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Nguyễn Duy Anh

Chức vụ: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư THIÊN THẦN 1



THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Các nhà đầu tư nên nghiên cứu Bản Cáo Bạch này một cách cẩn trọng và toàn diện và không nên coi nội dung hoặc các tóm tắt dưới đây là các tư vấn liên quan đến pháp lý, thuế hoặc tài chính/ đầu tư và nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của mình về các yêu cầu pháp lý hoặc các điều kiện, hoặc bất kỳ hạn chế nào khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho, tặng hoặc nắm giữ, định đoạt sản phẩm công ty, việc xử lý các khoản thu nhập (nếu có), lợi nhuận đầu tư hoặc các khoản phân phối lợi nhuận, các khoản thuế khác liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ, định đoạt sản phẩm trong phạm vi lãnh thổ tài phán áp dụng đối với quốc tịch, nơi cư trú của mình hoặc theo luật pháp của bất kỳ quốc gia nào áp dụng cho nhà đầu tư hoặc bất kỳ công ty được sử dụng để mua sản phẩm công ty, xác định các vấn đề phát sinh liên quan đến pháp lý, thuế, tài chính hay các vấn đề khác liên quan đến sản phẩm công ty trước khi quyết định đăng ký mua sản phẩm công ty.

Bản Cáo Bạch này và công ty chưa được đăng ký ở bất kỳ lãnh thổ tài phán nào ngoài Việt Nam. Việc công bố Bản Cáo Bạch này tại một số lãnh thổ tài phán có thể bị hạn chế hoặc phải tuân thủ yêu cầu về đăng ký. Theo đó ở một số nước, người đọc Bản Cáo Bạch cần phải hiểu và tuân thủ các hạn chế đó. Người nhận được Bản Cáo Bạch này hoặc bất kỳ Đơn Đăng Ký nào nói trên không được coi Bản Cáo Bạch này hay Đơn Đăng Ký cấu thành bản chào mua sản phẩm hay sử dụng Đơn Đăng Ký trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi tại lãnh thổ tài phán đó, bản chào như thế họ có thể được coi là hợp pháp và Đơn Đăng Ký đó có thể được sử dụng hợp pháp mà không cần phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu đăng ký hoặc yêu cầu pháp lý nào khác.

Không người nào được ủy quyền để cung cấp bất kỳ thông tin liên quan hoặc đưa ra bất kỳ tuyên bố nào không được xác nhận trong Bản Cáo Bạch này liên quan đến đợt chào bán sản phẩm của công ty, bất kỳ thông tin hay tuyên bố nào không có trong Bản Cáo Bạch không được coi như đã được phê duyệt bởi AF1. Nhà đầu tư được yêu cầu phải kiểm tra các thông tin về uy tín của cá nhân/ công ty mà mình ủy thác Đơn Đăng Ký mua và ủy thác thanh toán cho bất kỳ giao dịch nào với công ty. AF1 sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành vi nào được thực hiện qua tổ chức trung gian đại diện cho hoặc được cho là đại diện của nhà đầu tư đó.

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	1
II.	CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	2
III.	TÓM TẮT THÔNG TIN CÔNG TY VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM	3
1.	TÓM TẮT THÔNG TIN CÔNG TY	3
2.	TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM.....	4
IV.	CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO SẢN PHẨM CÔNG TY.....	5
V.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	11
VI.	CÁC MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ GIỚI HẠN ĐẦU TƯ CHUNG.....	12
1.	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	12
2.	CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ	12
3.	CÁC HẠN MỨC ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐỊNH.....	13
VII.	THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÔNG TY.....	15
1.	TÊN VÀ LOẠI HÌNH ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY	15
2.	MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	15
3.	MỤC TIÊU ĐẦU TƯ.....	21
4.	PHÂN BỐ TÀI SẢN.....	21
5.	CHỈ TIÊU PHÂN LOẠI CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC GÓP VỐN.....	22
6.	CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN CÁC KHOẢN GÓP VỐN	23
7.	ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ.....	24
8.	CÁC RỦI RO CHỦ YẾU	24
9.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG.....	24
10.	LỢI NHUẬN THAM CHIẾU.....	24
VIII.	CHÍNH SÁCH LỢI TỨC.....	24
IX.	THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM	25
1.	TÊN VÀ LOẠI HÌNH ĐẦU TƯ CỦA SẢN PHẨM	25
2.	NGUYÊN TẮC HUY ĐỘNG	25
3.	PHƯƠNG PHÁP CHÀO BÁN	26
4.	PHƯƠNG THỨC TÍNH GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	26

5.	PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN	27
6.	THỜI HẠN HỢP ĐỒNG	27
7.	CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG	28
X.	THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	28
1.	CÁC BÊN LIÊN DOANH VÀ ĐỐI TÁC	28
2.	BAN ĐẠI DIỆN CÔNG TY	30
3.	NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	31
XI.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	32
XII.	THUẾ	32
1.	ĐỐI VỚI CÔNG TY	32
2.	ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ	33
XIII.	BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	34
1.	BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ	34
2.	BÁO CÁO CÔNG TY	34
3.	BÁO CÁO BẤT THƯỜNG	34
4.	GỬI BÁO CÁO	35
XIV.	TÓM TẮT ĐIỀU LỆ	35
XV.	LIÊN LẠC	37
XVI.	CAM KẾT	37

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN THẦN 1 (AF1)

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Công ty Cổ Phần Đầu tư THIÊN THẦN 1

Ông Nguyễn Thanh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Duy Anh	Tổng Giám đốc
Ông Đào Minh Duy	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã được điều tra, thu thập một cách hợp lý. Tuy vậy, thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được thẩm định bởi bất kỳ bên nào khác ngoại trừ như được đề cập tại Bản Cáo Bạch này.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“Bản Cáo Bạch”	Là tài liệu này, các phụ lục kèm theo những hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi công ty AF1, cung cấp chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về công ty và các thông tin liên quan đến việc phát hành sản phẩm.
“Lợi nhuận bình quân”	Mức lợi nhuận trung bình kỳ hạn 12 tháng tại 4 ngân hàng VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank.
“Biên lợi nhuận của sản phẩm”	Là mức lợi nhuận cộng thêm khi tính tỷ suất sinh lời của từng gói sản phẩm, được tính theo đơn vị (%/năm)
“Công ty AF1”	Là Công ty cổ phần Đầu tư Thiên Thần 1 được thành lập theo giấy phép số 0315829568 Do Sở KH-ĐT TP.HCM Cấp ngày 08/08/2019
“IC”	Investment Certificate, sản phẩm chứng chỉ đầu tư lợi suất cố định của Công ty AF1
“Đồng” hay “VND”	Có nghĩa là đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“HSX”	Là Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.
“HNX”	Là sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“Giá trị tài sản ròng” hay “NAV”	Là tổng giá trị tài sản công ty trừ đi các nghĩa vụ nợ của công ty vào ngày định giá
“Hệ thống kế toán Việt Nam”	Là hệ thống kế toán quy định bởi Bộ Tài Chính của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam quy định cho các công ty được thành lập ở Việt Nam.
“Luật” hay “Pháp Luật”	Là luật hay pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Năm tài chính”	Là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm. Năm tài chính đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày (cơ quan cấp phép) cấp phép thành lập đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ khi thời gian còn lại của năm đầu tiên ít hơn 03 (ba) tháng, trong trường hợp đó năm tài chính đầu

	tiên sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm sau.
“Ngày làm việc”	Là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Nhà đầu tư”	Là nhà đầu tư được đăng ký là Nhà Đầu Tư trong sổ đăng ký của công ty AF1.
“Sổ đăng ký”	Là tài liệu ghi nhận thông tin về mỗi nhà đầu tư.
“SSC” hay “UBCKNN”	Là Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước của Việt Nam.
“Vốn điều lệ”	Là số vốn huy động được từ các nhà đầu tư trong các đợt chào bán sản phẩm.
“VN Index”	Là chỉ số chứng khoán của toàn thị trường của HSX.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định của Pháp Luật với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Điều Lệ hoặc Bản Cáo Bạch này.

III. TÓM TẮT THÔNG TIN CÔNG TY VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM

1. TÓM TẮT THÔNG TIN CÔNG TY

Tên công ty bằng Tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Đầu tư THIÊN THẦN 1
Tên công ty bằng Tiếng Anh:	Angel 1 Investment Joint Stock Company
Tên viết tắt:	AF1
Trụ sở:	35 Bến Vân Đồn, P12, Q4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phân bổ tài sản:	70% ± 30% Tổng tài sản được phân bổ vào cổ phiếu niêm yết, chủ yếu là các cổ phiếu vốn hóa lớn trên thị trường, 30% ± 30% phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định khác.
Chính sách lợi tức:	Phân chia lợi nhuận cuối kỳ
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập:	0315839568

Vốn điều lệ đăng ký:	50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng)
Logo:	
Người đại diện pháp luật:	Ông Nguyễn Duy Anh
Thời gian hoạt động:	50 năm
Ngành nghề kinh doanh:	<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp

2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM

1. Tên và loại hình đầu tư	Hợp đồng hợp tác đầu tư lợi nhuận cố định.
2. Nguyên tắc huy động	Vốn huy động từ nhà đầu tư với mức lợi nhuận thỏa thuận theo hợp đồng góp vốn giữa hai bên. Nguồn vốn huy động đó được dùng để đầu tư vào danh mục cổ phiếu vốn hóa lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đảm bảo theo nguyên tắc quản trị rủi ro của thị trường chứng khoán và của công ty. Mức lợi nhuận được tính chi tiết tại Mục IX.3.
3. Phương thức tính giá trị hợp đồng	Giá trị tối thiểu của một hợp đồng góp vốn đầu tư lợi nhuận cố định là 100.000.000 VNĐ (một trăm triệu đồng) với sản phẩm Hợp đồng góp vốn và 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng đối với sản phẩm IC. Giá trị thanh toán cuối kỳ được tính bằng giá trị hợp đồng ban đầu cộng với phần lợi nhuận tính theo thời gian thực. Giá trị hợp đồng chi tiết được trình bày tại Mục IX.4.
4. Phương thức thanh toán	Nhà đầu tư góp vốn sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản đã đăng ký trong hợp đồng được thỏa thuận giữa hai bên vào cuối kỳ. Trường hợp nhà đầu tư tắt toán hợp đồng sớm, lợi nhuận nhận được sẽ là lợi nhuận không kỳ

hạn bình quân của 04 ngân hàng Vietcombank, BIDV, Sacombank và VietinBank. Chi tiết về phương thức thanh toán được quy định chi tiết tại mục IX.5.

5. Chuyển nhượng hợp đồng

Trong thời gian còn hiệu lực, sản phẩm Hợp đồng góp vốn không có giá trị chuyển nhượng cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác. Sản phẩm IC, nhà đầu tư có thể bán lại sản phẩm ngay trên phần mềm giao dịch của AF1 với phương thức khớp lệnh trên sàn.

6. Công bố thông tin

Các điều khoản này có thể thay đổi để phù hợp với sự phát triển của thị trường, và có thể được điều chỉnh theo thời gian bởi AF1 trong các lần sửa đổi tiếp theo của Bản Cáo Bạch này.

IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO SẢN PHẨM CÔNG TY

Sản phẩm của công ty là góp vốn đầu tư cổ phiếu nên đặc thù rủi ro của sản phẩm cũng là rủi ro trong việc đầu tư cổ phiếu thông thường. Rủi ro trong việc đầu tư thông thường được phân loại thành những rủi ro sau đây:

- 1. Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán:** Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với các vốn gốc khi đến hạn thanh toán.

Ảnh hưởng: rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán chủ yếu liên quan đến trái phiếu. Do rủi ro này, lợi suất của trái phiếu doanh nghiệp thường có lợi suất cao hơn lợi suất của trái phiếu chính phủ vốn được coi là hình thức đầu tư ít rủi ro hơn. Thông thường giá trị của chứng khoán có thu nhập cố định sẽ dao động theo mức độ đánh giá mức rủi ro tín dụng cũng như bất kỳ sự kiện mất khả năng thanh toán nào thực tế xảy ra. Rủi ro tín dụng càng lớn, mức lợi suất yêu cầu càng cao. Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán cũng cần được xem xét đối với các công ty phát hành cổ phiếu, bởi vì việc mất khả năng thanh toán của một khoản nợ sẽ làm tăng chi phí nợ vay và có thể dẫn đến khả năng công ty sẽ phá sản và giá trị cổ phiếu sụt giảm mạnh.

Các công ty không được ưa thích, đặc biệt là các công ty mới thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán, thường có xu hướng giảm giá trị nhanh hơn khi kinh tế suy thoái. Các công ty này thường gặp khó khăn trong việc giữ chân khách hàng và nhà cung cấp và trong việc thanh toán nghĩa vụ nợ hoặc tìm kiếm nguồn tài trợ bổ sung trong giai đoạn suy thoái kinh tế.

Phương pháp quản trị rủi ro: Báo cáo tài chính được sử dụng để đánh giá rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán. Và vì báo cáo tài chính được

các công ty niêm yết công bố hàng quý, dự báo dòng tiền trong tương lai được sử dụng để đánh giá tình hình tài chính và triển vọng của công ty. Mặc dù rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán có thể được phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm hoặc bảo lãnh của ngân hàng, chi phí phòng ngừa rủi ro sẽ tăng mạnh khi tình trạng tín dụng của công ty suy giảm. Bên cạnh đó, các công cụ phòng ngừa rủi ro ở Việt Nam còn khá hạn chế và được áp dụng chủ yếu cho các sản phẩm có thu nhập cố định được đảm bảo như bảo lãnh ngân hàng hay các khoản đảm bảo bổ sung bằng tài sản công ty. Việc phân loại trái phiếu theo mức độ rủi ro do các cơ quan xếp hạng tín nhiệm độc lập tiến hành chưa được phổ biến ở Việt Nam. Các sở giao dịch chứng khoán Việt Nam giám sát tình hình tài chính của các công ty niêm yết, và để bảo vệ các nhà đầu tư, các cơ quan này sẽ đình chỉ hoặc hủy bỏ niêm yết cổ phiếu của các công ty có tình hình tài chính không lành mạnh hoặc không đủ năng lực tài chính.

- 2. Rủi ro thị trường:** Rủi ro thị trường là rủi ro dẫn đến thị trường thay đổi, ví dụ như các thay đổi về lợi nhuận, tỷ giá hối đoái và thị giá chứng khoán ảnh hưởng đến thu nhập của công ty hay giá trị các khoản đầu tư của công ty.

Ảnh hưởng: Giá trị thị trường của chứng khoán mà công ty đầu tư sẽ tăng hay giảm, đôi khi nhanh chóng hoặc đột ngột ngoài dự đoán. Giá trị thị trường của một khoản chứng khoán có thể bị giảm bởi các hoạt động mua, bán trên thị trường hoặc các hoạt động khác liên quan đến cung, cầu của chứng khoán đó mà không liên quan đến tổ chức phát hành. Đây là rủi ro cơ bản với tất cả chứng khoán. Giá có xu hướng giảm khi có nhiều người bán hơn người mua trên thị trường. Tương tự như vậy, giá có xu hướng tăng lên cả khi có người mua hơn người bán trên thị trường.

Phương pháp quản trị rủi ro: Có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các điều kiện kinh tế vĩ mô được theo dõi thường xuyên để đánh giá các nhân tố chung có ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán, từ chính sách tiền tệ tài khóa, kỳ vọng về lạm phát, tâm lý kinh doanh cho đến thuế và các thay đổi về nhân khẩu học. Do bản chất khái quát của nó, rủi ro thị trường được quản trị bằng cách xác định và quản trị một số rủi ro cụ thể góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các rủi ro chính sau đây được giám sát thường xuyên:

- a. Rủi ro lợi nhuận** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà những khoản vay sẽ biến động do những thay đổi của lợi nhuận thị trường, do dự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lợi nhuận ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu và gián tiếp đến cổ phiếu.

Ảnh hưởng: Lợi nhuận tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất của trái phiếu tăng bằng với lợi nhuận của thị trường. Lợi nhuận tăng tác động gián tiếp và ảnh hưởng nhiều mặt đến giá cổ phiếu, phụ thuộc vào nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi công ty (công ty có tỷ lệ các khoản vay dài hạn cao với lợi nhuận cố định ít bị ảnh hưởng hơn so với công ty có các khoản vay ngắn hạn),

khả năng tăng giá bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng cao, và kỳ vọng lạm phát.

Phương pháp quản trị rủi ro: Công ty sẽ cố gắng giảm thiểu rủi ro bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lợi nhuận. Cụ thể, công ty sẽ đầu tư các khoản nắm giữ trái phiếu có lợi nhuận cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lợi nhuận thả nổi hơn khi lợi nhuận được dự báo tăng và ngược lại khi lợi nhuận được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công ty mà AF1 đầu tư và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lợi nhuận đến các khoản đầu tư của AF1 sẽ được theo dõi thường xuyên.

- b. **Rủi ro biến động giá thị trường** là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng chứng khoán thay đổi.

Ảnh hưởng: Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư mà công ty đang thực hiện.

Phương pháp quản trị rủi ro: Rủi ro giá thị trường được phản ánh trong mức độ biến động của giá chứng khoán tăng hay giảm tương quan với các chứng khoán khác nhau trong cùng thị trường. Để quản trị rủi ro biến động thay đổi giá, mức biến động của từng chứng khoán sẽ được đánh giá và theo dõi. Biến động cao hơn mức trung bình hàm ý rằng chứng khoán có nhiều rủi ro hơn (đồng nghĩa với khả năng có nhiều lợi nhuận hơn). Mức độ biến động được đo lường bằng các phương pháp thống kê (độ lệch chuẩn của một chứng khoán so với trung bình hay hệ số bê-ta). Công ty có chỉ số cơ bản tốt thông thường sẽ có mức biến động thấp hơn so với thị trường.

- c. **Rủi ro lạm phát:** là rủi ro mà giá trị của các khoản đầu tư suy giảm do lạm phát.

Ảnh hưởng: Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lợi nhuận trái phiếu nhận được hằng kỳ.

Lạm phát có mức độ ảnh hưởng ít hơn đối với cổ phiếu. Những công ty ít có khả năng tăng giá đầu ra khi lạm phát sẽ có lợi nhuận ít hơn và giá trị ít bị ảnh hưởng hơn. Ngược lại những công ty có thể tăng giá đầu ra khi lạm phát sẽ có giá trị cao hơn trong trường hợp lạm phát cao. Vì vậy, cổ phiếu chỉ có thể tránh được rủi ro lạm phát nếu như công ty có thể chuyển được lạm phát đó sang người tiêu dùng. Ngoài ra, trong môi trường lạm phát tăng, chi phí lợi nhuận vay tăng do lợi nhuận huy động vốn thường cao nên doanh nghiệp giảm bớt hoạt động đầu tư. Điều này khiến cho tăng trưởng và giá trị doanh nghiệp suy giảm.

Phương pháp quản trị rủi ro: Rủi ro lạm phát đối với danh mục góp vốn trái phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lợi nhuận thả nổi nếu lạm phát dự kiến tăng cao.

Rủi ro lạm phát đối với danh mục cổ phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách tăng tỷ trọng danh mục vào cổ phiếu của những công ty có khả năng chuyển phần lớn lạm phát sang người tiêu dùng.

- d. **Rủi ro tỷ giá** là rủi ro mà giá trị khoản góp vốn đầu tư của công ty và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi tỷ giá thay đổi.

Ảnh hưởng: Các khoản góp vốn đầu tư của công ty sẽ có rủi ro tỷ giá khi các công ty mà AF1 đang góp vốn đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ.

Phương pháp quản trị rủi ro: Các khoản góp vốn đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được giám sát thông qua việc phân tích các nguồn doanh thu và các khoản công nợ của công ty đó.

Tài sản và nợ phải trả của công ty AF1 đều được trình bày bằng đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ sử dụng của công ty. Vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải chịu rủi ro tỷ giá trong quá trình đầu tư tại Việt Nam. Việc bảo vệ nhà đầu tư tránh khỏi rủi ro này nằm ngoài khả năng của AF1, và vì vậy các nhà đầu tư nước ngoài, nếu cần thiết, phải tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

3. **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà thanh khoản của người mua và người bán đối với các chứng khoán quá thấp khiến cho công ty không thể tất toán các khoản nợ vay mua cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu tại các mức giá nhất định khi cần thiết. Chứng khoán niêm yết có rủi ro thanh khoản thấp hơn chứng khoán chưa niêm yết, tuy nhiên khả năng bán các khoản góp vốn đầu tư này có thể bị ảnh hưởng bởi tổng giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán. Thước đo rủi ro thanh khoản và việc chứng khoán có thể bán được dễ dàng hay không, là chênh lệch giữa giá chào mua và giá chào bán. Cổ phiếu kém thanh khoản sẽ có mức chênh lệch rộng hơn cổ phiếu có thanh khoản cao. Rủi ro thanh khoản là rủi ro đặc thù của thị trường trái phiếu Việt Nam vì nhiều trái phiếu phát hành có quy mô nhỏ và giao dịch ít trên thị trường thứ cấp. Rủi ro thanh khoản của cổ phiếu có ở các công ty vốn hóa nhỏ và cũng có thể xuất hiện ở các công ty có vốn hóa lớn nếu số lượng cổ phiếu có thể được giao dịch trên thị trường mà không được nắm giữ bởi các nhà đầu tư tổ chức thấp.

Công ty có thể sẽ góp vốn đầu tư những chứng khoán không niêm yết vì vậy công ty có thể gặp rủi ro thanh khoản.

Ảnh hưởng: Thanh khoản thấp của các chứng khoán có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản của công ty AF1 (Xem mục 6 dưới đây). Thanh khoản thấp

của các chứng khoán cũng dẫn đến giá mua, bán bất lợi cho công ty khi tất toán danh mục góp vốn bắt buộc.

Phương pháp quản trị rủi ro: Rủi ro thanh khoản sẽ được theo dõi trên cơ sở số ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục dựa trên dữ liệu giao dịch bình quân của chứng khoán đó trong năm liền trước. Các phương pháp cần thiết khác sẽ được tiến hành để giữ thời gian thoái vốn bình quân nằm trong các khoảng thời gian mục tiêu theo nguyên tắc cần trọng giới hạn trong quy định nội bộ.

4. **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro thanh toán là rủi ro mà công ty giao dịch với một đối tác mà đối tác không thanh toán tiền mua chứng khoán cho công ty hoặc chuyển nhượng chứng khoán cho công ty khi công ty đã thanh toán tiền mua.

Ảnh hưởng: Rủi ro thanh toán ở Việt Nam thường chỉ liên quan đến những giao dịch chuyển nhượng chứng khoán của các công ty chưa niêm yết và các giao dịch chưa có quy định. Các giao dịch mua bán cổ phiếu niêm yết được tiến hành thông qua các công ty môi giới và các công ty này sẽ kiểm tra số dư trước khi giao dịch để đảm bảo nhà đầu tư có đủ tiền để mua hoặc số lượng cổ phiếu để bán trước khi thực hiện giao dịch. Các giao dịch bán khống sẽ không được phép tiến hành.

Phương pháp quản trị rủi ro: Công ty chỉ tiến hành các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết với các công ty, đối tác uy tín và trong trường hợp cần thiết và có bằng chứng rõ ràng là có tiền hoặc chứng khoán hoặc thực hiện các bước thẩm định cần thiết để hạn chế rủi ro này.

5. **Rủi ro về chiến lược đầu tư:** Đây là rủi ro bắt nguồn từ chiến lược góp vốn đầu tư của công ty, theo đó rủi ro tăng hay giảm phụ thuộc vào chiến lược mà công ty góp vốn áp dụng. Khi giá trị các khoản góp vốn đầu tư của công ty bị giảm đồng nghĩa với việc rủi ro phải xử lý của các khoản góp vốn đầu tư này sẽ tăng lên. Rủi ro đầu tư ba chiến lược góp vốn đầu tư của công ty là:

- *Góp vốn đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng:* Giá của các cổ phiếu tăng trưởng phản ánh các dự báo về doanh thu, lợi nhuận trong tương lai, và vì vậy có thể giảm mạnh nếu công ty không đạt được những dự báo này. Giá cổ phiếu của những công ty này có thể biến động nhiều hơn các cổ phiếu khác, đặc biệt trong ngắn hạn.
- *Góp vốn đầu tư giá trị:* Giá của cổ phiếu giá trị có thể sẽ không tăng như kỳ vọng nếu các nhà đầu tư không nhận ra được giá trị của công ty hay các yếu tố mà nhà đầu tư kỳ vọng giúp giá cổ phiếu tăng sẽ không xảy ra.
- *Góp vốn đầu tư lướt sóng:* Giá của cổ phiếu trên thị trường không tăng như kỳ vọng của nhà đầu tư trên ngắn hạn. Thực tế điều này thường hay xảy ra trên thị trường. Thị trường chứng khoán có những phiên biến động ngắn hạn không lường trước và rủi ro của những khoản đầu tư ngắn hạn đặc biệt tăng cao.

6. **Rủi ro về thanh khoản của công ty**

Đây là rủi ro khi mà công ty không thể tất toán được các khoản cổ phiếu khi giảm giá phải xử lý hoặc không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh mua – bán trong ngày. Hoặc khi công ty không đủ lượng tiền mặt để thanh toán cho khách hàng vào những kỳ tất toán hợp đồng hoặc kỳ trả lợi nhuận. Những rủi ro bất thường có thể xảy ra khiến cho công ty không thể thanh toán cho khách hàng trong thời gian ngắn khi khách hàng thực hiện tất toán trước hạn và chịu các điều khoản cam kết từ trước.

Thị trường thứ cấp của trái phiếu doanh nghiệp có thanh khoản kém hơn thị trường thứ cấp của trái phiếu chính phủ, và các khoản đầu tư trên thị trường tiền tệ, tuy khá thanh khoản nhưng lại thiếu một thị trường thứ cấp phát triển, hạn chế khả năng thoái vốn rút tiền của công ty khi cần thiết.

Một tỷ lệ nhỏ các khoản góp vốn của công ty sẽ được phân bổ vào những cổ phiếu chưa niêm yết phù hợp với chiến lược góp vốn đầu tư của công ty và các giới hạn theo Luật. Chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán có tính thanh khoản kém và có rủi ro về thanh khoản cao hơn so với những chứng khoán có niêm yết hoặc chứng khoán được phát hành kèm theo các lựa chọn thoái vốn bao gồm quyền chọn bán. Tuy nhiên điều này có thể làm tăng rủi ro của danh mục đầu tư. Thêm vào đó, tính thanh khoản và giá trị của các khoản đầu tư có nắm giữ các chứng khoán chưa niêm yết có thể bị ảnh hưởng nếu các chứng khoán chưa niêm yết này bắt buộc phải bán ra sớm hơn dự kiến.

Phương pháp quản trị rủi ro: Công ty sẽ nỗ lực duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách đầu tư một tỷ lệ thích hợp và tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý, việc thanh toán sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản.

- 7. Rủi ro trong hoạt động quản lý công ty:** Đây là rủi ro khi không phải tất cả các quyết định đầu tư của AF1 đều mang lại lợi nhuận hoặc đáp ứng được kỳ vọng tại thời điểm tiến hành các khoản đầu tư này hoặc khi nhân viên đầu tư chủ chốt của AF1 nghỉ việc. Theo đó các nhà đầu tư có thể chịu thua lỗ.

Phương pháp quản trị rủi ro: Hiệu quả đầu tư của công ty được giám sát thông qua việc đánh giá nội bộ về đội ngũ đầu tư cũng như chịu sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đội ngũ đầu tư của AF1 được đào tạo nội bộ thường xuyên và được khuyến khích bổ sung thêm các chứng chỉ chuyên môn quốc tế. Năng lực của tất cả nhân viên của AF1 đều được đánh giá hàng năm, kết quả làm việc tốt được thưởng xứng đáng để khuyến khích và giữ chân nhân viên.

- 8. Rủi ro pháp lý:** là rủi ro mà Luật hoặc các quy định pháp lý thay đổi hoặc sự diễn giải và thi hành Luật và các quy định pháp lý này thay đổi khiến cho công ty hoặc giá trị tài sản công ty bị ảnh hưởng.

Phương pháp quản trị rủi ro: Những thay đổi về Luật hay các quy định pháp lý thường được thông báo trước khi có hiệu lực. Mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này với công ty và các công ty trong danh mục sẽ được đánh

giá, và nếu cần thiết và khả thi, AF1 sẽ thay đổi cơ cấu danh mục góp vốn hoặc đối tượng góp vốn.

9. **Rủi ro bất thường:** là rủi ro mà những sự kiện bất thường có ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của một hoặc một số tài sản của công ty. Những sự kiện này, dù là thật hay tin đồn, có thể bao gồm:

- Thảm họa thiên nhiên như động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
- Các sự kiện chính trị xã hội như đình công, bạo động, tranh chấp biên giới;
- Môi trường kinh doanh như khủng hoảng hệ thống ngân hàng, các nhà lãnh đạo chủ chốt mất khả năng điều hành;
- Rủi ro hệ thống như trục trặc trong hệ thống máy tính hoặc thông tin.

Phương pháp quản trị rủi ro: Có rất ít biện pháp giảm thiểu rủi ro bất thường có mức độ ảnh hưởng lớn do bản chất của những hiện tượng này. Đa dạng hóa danh mục đầu tư vào các ngành, lĩnh vực khác nhau góp phần giảm thiểu rủi ro bất thường vì các rủi ro này không tác động đến tất cả các chứng khoán cùng một lúc hoặc tác động ở các mức độ khác nhau. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất do thảm họa có thể giúp giới hạn tác động của một số rủi ro bất thường.

V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Sản phẩm của công ty cung cấp một công cụ đầu tư bổ sung cho các nhà đầu tư cá nhân Việt Nam trong quản lý tài sản cá nhân, ngoài các loại tài sản truyền thống như gửi tiết kiệm, đầu tư bất động sản hay vàng. Đầu tư vào sản phẩm công ty có một số ưu điểm so với những loại hình đầu tư truyền thống hay mua bán chứng khoán riêng lẻ do có các đặc điểm sau:

- **Tính chất linh động:** Sản phẩm công ty mang đến lợi nhuận cao hơn và thời gian linh hoạt, ngắn hạn so với những kênh đầu tư khác như gửi tiết kiệm ngân hàng, vàng hoặc đô-la. Tỷ suất sinh lời hiện tại của sản phẩm cao và duy trì lợi nhuận cố định suốt dòng đời sản phẩm.
- **Tính chất ổn định:** Không như những sản phẩm tài chính khác khi đầu tư, nhà đầu tư sẽ chịu những rủi ro có thể lỗ một phần hoặc toàn bộ số tiền đầu tư, rủi ro không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận đạt được thấp hơn dự kiến, sản phẩm của công ty cam kết duy trì mức sinh lời trung bình xấp xỉ 11.5%/năm trong suốt quá trình hoạt động nhờ vào cơ chế đầu tư đặc thù và hệ thống quản trị rủi ro chuyên nghiệp và độc lập của công ty.
- **Quản lý chuyên nghiệp:** Sản phẩm cho phép nhà đầu tư tiếp cận với các nhà quản lý quỹ và quản trị rủi ro chuyên nghiệp thường xuyên, những người có kinh nghiệm, năng lực, chuyên môn và có nguồn lực để chủ động góp vốn đầu tư cổ phiếu theo danh mục đã được quy định.
- **Phù hợp với khả năng chi trả:** Khoản tiền đầu tư ban đầu và công ty hợp lý với mức thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam, và các khoản đầu tư tiếp theo yêu cầu tương đối nhỏ.

Trong trung đến dài hạn, AF1 hướng đến mục tiêu cung cấp các sản phẩm đầu tư với đặc điểm lợi nhuận kỳ vọng/ rủi ro tối đa để đáp ứng nhu cầu của các nhóm nhà đầu tư khác nhau, phục vụ các mục đích phân bổ tài sản khác nhau của nhà đầu tư.

Nhà đầu tư có các mục tiêu khác nhau với khoảng thời gian đầu tư để đạt được các mục tiêu khác nhau. Các mục tiêu tiết kiệm dài hạn phổ biến là cho hưu trí, chi phí giáo dục, mua nhà để ở hoặc các tài sản cố định khác như ô tô, xe máy hoặc cho những mục tiêu khác. Các mục tiêu này sẽ thay đổi trong suốt cuộc đời của nhà đầu tư vì một số mục tiêu đã đạt được sẽ được thay bằng những mục tiêu khác. Khả năng chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư thông thường cũng sẽ thay đổi theo thời gian, với khả năng chấp nhận rủi ro giảm xuống khi tuổi nghỉ hưu đến gần. Các chuyên gia tư vấn tài chính và các chuyên gia tư vấn về quản lý tài sản có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc xác định kế hoạch tiết kiệm lâu dài của nhà đầu tư. Để việc đầu tư dài hạn vào sản phẩm được thành công, các nhà đầu tư cần phải đánh giá, xác định kế hoạch tiết kiệm dài hạn của mình và lựa chọn một hoặc nhiều sản phẩm đầu tư khác nhau và phù hợp để có thể đáp ứng được các mục tiêu của riêng nhà đầu tư với các mức rủi ro chấp nhận được.

Với các nhà đầu tư tổ chức, sản phẩm công ty cũng cấp bổ sung một công cụ đầu tư cho các chiến lược phân bổ tài sản và đa dạng hóa tài sản đầu tư cũng như công cụ đầu tư cho các chương trình hưu trí bổ sung cho nhân viên công ty.

VI. CÁC MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ GIỚI HẠN ĐẦU TƯ CHUNG

1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Công ty AF1 sẽ đầu tư góp vốn vốn khả dụng để mua các loại chứng khoán được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các nhà đầu tư kết quả từ việc quản lý góp vốn danh mục đầu tư. Công ty có mục tiêu đầu tư cụ thể như được trình bày tại Mục VII.

2. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

Pháp luật quy định công ty có thể đầu tư những tài sản sau:

a. Tài sản thu nhập cố định

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật;
- Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ có thể chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;
- Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành mà đã được công ty chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch;
- Trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.

b. Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết và chuẩn bị đăng ký giao dịch
- Cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ niêm yết trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật tại Việt Nam.

c. Công cụ phái sinh

Chứng khoán phái sinh được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán mà chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro.

d. Các cổ phiếu và trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch và các quyền tài sản

- Các khoản đầu tư của công ty và trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch cần phải được chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện công ty nêu rõ về loại (mã) chứng khoán, số lượng và giá trị của giao dịch và thời điểm thực hiện, và đối tác giao dịch.
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà công ty đang nắm giữ.

3. CÁC HẠN MỨC ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐỊNH

3.1 Các khoản góp vốn đầu tư của công ty được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của công ty phải bao gồm ít nhất bốn (04) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại công ty chứng khoán giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá 49% (bốn mươi chín phần trăm) của tổng giá trị tài sản góp vốn công ty;

- b. Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) có giá trị từ 5% (năm phần trăm) trở lên trên tổng giá trị tài sản của công ty sẽ không được vượt quá 40% (bốn mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản đang góp vốn của công ty;
 - c. Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các công ty chứng khoán trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của công ty tại công ty chứng khoán giám sát, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam., chứng khoán phái sinh niêm yết theo quy định của pháp luật, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có liên quan với nhau về sở hữu không được vượt quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản góp vốn của công ty;
 - d. Tổng giá trị góp vốn đầu tư của công ty vào tất cả các chứng khoán bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu không bao gồm trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
 - e. Tổng giá trị góp vốn đầu tư của công ty vào chứng khoán trừ trái phiếu Chính phủ của một tổ chức phát hành không được vượt quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
 - f. Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của công ty không được vượt quá giá trị tài sản ròng của công ty; và
 - g. Công ty chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện công ty phê duyệt bằng văn bản.
- 3.2 Công ty sẽ không góp vốn đầu tư vào việc trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.
- 3.3 Cơ cấu góp vốn đầu tư của công ty được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra trong mục 3.1 a, b, c, d, e nêu trên và chỉ vì các lý do sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục góp vốn đầu tư của công ty;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với Pháp Luật của công ty;
- c. Các hoạt động hợp nhất và sáp nhập của các tổ chức phát hành chứng khoán mà công ty đang nắm giữ qua các khoản góp vốn;
- d. Công ty mới được cấp phép thành lập hoặc do tách công ty, hợp nhất với công ty khác mà thời gian hoạt động không quá 06 (sáu) tháng, tính từ ngày được cấp phép thành lập công ty; hoặc
- e. Công ty đang trong thời gian giải thể.

- 3.4 Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức góp vốn đầu tư, AF1 sẽ điều chỉnh danh mục góp vốn để đáp ứng được các hạn mức đầu tư theo quy định tại mục 3.1 của phần này trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.

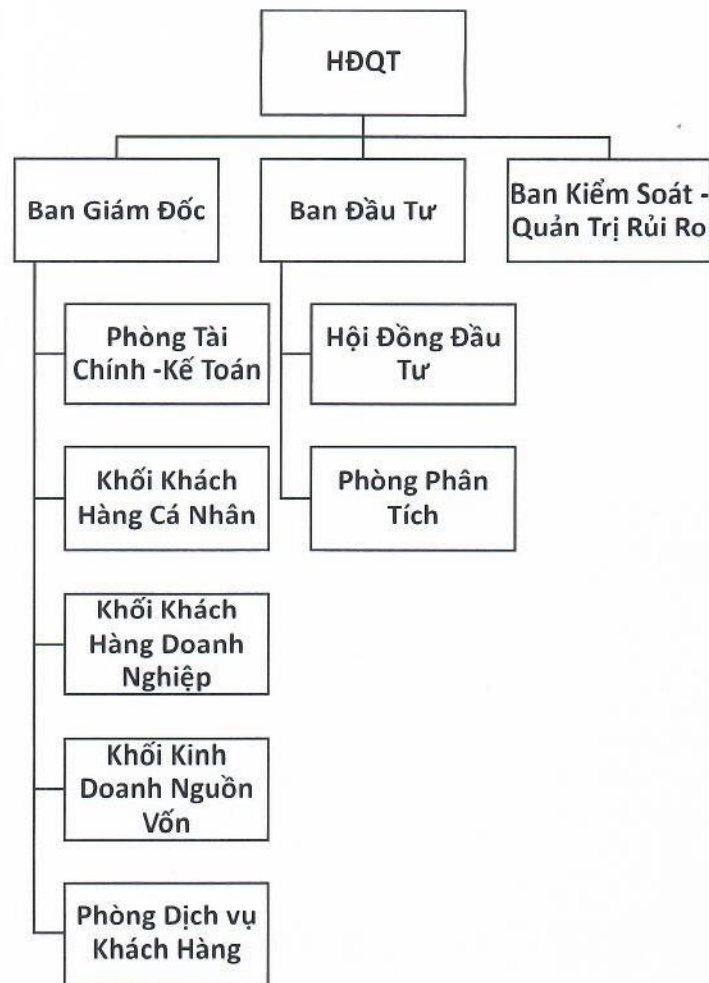
Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì AF1 không tuân thủ các hạn mức đầu tư như trong quy định tại Luật hoặc Điều lệ công ty hoặc Bản Cáo Bạch. AF1 phải điều chỉnh danh mục góp vốn đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra.

VII. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÔNG TY

1. TÊN VÀ LOẠI HÌNH ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Thần 1 (AF1). Công ty có chiến lược tái phân bổ nguồn vốn huy động vào các hoạt động đầu tư chứng khoán và các loại tài sản có thanh khoản khác.

2. MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



a. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị AF1, có toàn quyền nhân danh AF1 để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của AF1.

HĐQT của AF1 có tối thiểu 05 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên; số lượng thành viên do ĐHCĐ quyết định. Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của AF1;
- Quyết định thành lập và cơ cấu tổ chức của Bộ phận kiểm toán nội bộ, chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của AF1;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Ban Giám đốc, Phó Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT, các chức danh thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ; Giám đốc chi

nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở quy định nội bộ do HĐQT ban hành;

- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của AF1 ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện vốn góp của AF1 tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;
- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 20% so với vốn điều lệ của AF1 ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động AF1. HĐQT có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của AF1;
- Quyết định các hợp đồng giao dịch của AF1 quy định tại Điều lệ;
- Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Ban Giám đốc;
- Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của AF1 phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của AF1;
- Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của AF1 theo quy định của pháp luật;
- Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản AF1;
- Quyết định mua lại cổ phần của AF1 theo quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan;
- Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ AF1 hoặc giữa các công ty thành viên độc lập của AF1;

- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức lợi tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác.

b. Ban giám đốc

Ban Giám đốc được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT hoặc thuê. Ban Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của AF1, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của AF1;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của AF1;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của AF1;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý tại AF1, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ;
- Quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong AF1, theo thẩm quyền;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;

- Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của AF1 theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
- Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị để giải quyết tiếp.
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động công ty nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công ty trình Hội đồng Quản trị quyết định theo thẩm quyền;
- Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ.
- Ký kết hợp đồng nhân danh AF1 theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.
- Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết / Quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

c. Ban kiểm soát – quản trị rủi ro

Ban Kiểm soát – Quản trị rủi ro của AF1 phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, không hạn chế tối đa. Ban Kiểm soát – quản trị rủi ro có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Quyết định giải ngân hoặc từ chối những khoản vay của khách hàng công ty nếu có những rủi ro như đã trình bày trong Mục IV;
- Ngừng các khoản góp vốn trong trường hợp nhận thấy có điều bất thường trong các giao dịch của đối tác mà không cần báo trước bằng văn bản;
- Chấm dứt hợp đồng góp vốn trong những trường hợp khẩn cấp hoặc khi có tranh chấp về lợi ích hợp pháp của phía công ty nhằm đảm bảo tính thanh khoản và an toàn cho nguồn vốn của công ty;
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ AF1 trong việc quản trị, điều hành AF1;
- Ban hành Quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;

- Có trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ;
- Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của AF1.
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của AF1 khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý AF1 theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của công ty, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ;
- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật của Điều lệ hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ;
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác của AF1;
- Định kỳ hàng năm, BKS phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho HĐQT, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng Giám đốc và thống nhất với Chủ tịch HĐQT;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.

d. Ban đầu tư

Ban đầu tư được thành lập với ít nhất 05 (năm) thành viên với vai trò tối đa hóa việc giải ngân và huy động, tính toán tỷ lệ thích hợp giữa nguồn vốn và nhu cầu góp vốn của khách hàng để đảm bảo tính an toàn và tính thanh khoản của nguồn vốn trong trường hợp khách hàng có nhu cầu khẩn cấp về tiền mặt. Ban đầu tư của công ty có trách

nhiệm phân tích lợi nhuận, rủi ro và ra quyết định góp vốn từng mã cổ phiếu nhất định bao gồm những mục sau:

- Phân tích tương quan lợi nhuận - rủi ro của từng mã cổ phiếu để ra được những quyết định an toàn cho số tiền huy động của nhà đầu tư;
- Tỷ trọng góp vốn của từng khách hàng trong tổng nguồn vốn huy động của công ty;
- Tỷ lệ vay của từng khoản mục đầu tư, mỗi khách hàng tùy theo mức độ rủi ro về mã cổ phiếu, về tình hình chung của thị trường, về độ tín nhiệm của công ty sẽ có những tỷ lệ vay khác nhau;
- Thời gian đáo hạn của từng khoản góp vốn;
- Phân tích cơ bản của cổ phiếu dự kiến góp vốn tại thời điểm dự kiến góp vốn, phân tích rủi ro thị trường tại từng thời điểm nhất định.
- Gửi ý kiến độc lập cho bộ phận quản trị rủi ro – kiểm soát để cho ra quyết định đầu tư cuối cùng minh bạch và khách quan nhất với từng khách hàng và từng khoản vay cụ thể của công ty.

Ban Đầu Tư có 2 bộ phận hỗ trợ trong việc điều hành bao gồm:

- **Hội đồng đầu tư:** ra quyết định trong việc góp vốn (tỷ trọng nguồn vốn, số tiền góp vốn, hạn mức cọc ...)
- **Phòng phân tích:** định giá cổ phiếu, đưa ra một cách khách quan đánh giá về cổ phiếu để hỗ trợ Hội đồng đầu tư trong việc ra quyết định một cách chính xác, trung thực và khách quan nhất.

3. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của công ty là đem lại lợi nhuận dài hạn thông qua việc góp vốn đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật.

4. PHÂN BỐ TÀI SẢN

Công ty có sự linh hoạt trong việc phân bổ tài sản góp vốn theo chiến lược phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào việc đánh giá cơ hội và rủi ro ở từng thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy

thuộc vào nhân định của Công ty với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là gia tăng lợi nhuận.

Bảng: Tỉ trọng phân bố tài sản của Công ty Tư vấn Đầu tư

Loại hình đầu tư	Rủi ro	Tỉ trọng NAV
Góp vốn đầu tư cổ phiếu	Trung bình tới cao	50,0% (năm mươi phần trăm)
Tài sản có thu nhập cố định (kể cả tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Công ty tại Công ty chứng khoán)	Thấp tới trung bình	50,0% (năm mươi phần trăm)

Việc phân bố tài sản có thể sẽ thay đổi $\pm 30\%$ (cộng hoặc trừ ba mươi phần trăm) so với tỉ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư. Thông thường tỉ lệ phân bố vào việc góp vốn đầu tư cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi hỗ trợ thị trường chứng khoán thuận lợi cho chiến lược tối đa hóa lợi nhuận. Tỉ lệ phân bố vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế phù hợp với chiến lược đầu tư thận trọng.

Chiến lược đầu tư tạm thời: Phù hợp với quy định của Pháp luật, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các nhà đầu tư, Công ty có thể đầu tư lên đến 100,0% (một trăm phần trăm) tài sản của Công ty một cách thận trọng tạm thời, bằng việc đầu tư toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Công ty vào các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro, với điều kiện công ty vẫn đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư chung quy định tại Mục VI.3

5. CHỈ TIÊU PHÂN LOẠI CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC GÓP VỐN

Cổ phiếu niêm yết trên sàn là một trong những tài sản trọng tâm trong chiến lược góp vốn của công ty. Việc phân loại cổ phiếu niêm yết và các hạn mức góp vốn đầu tư của từng danh mục cũng như từng cổ phiếu niêm yết cụ thể là một phần quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của công ty. Việc phân loại cổ phiếu dựa theo chỉ tiêu của HSX và HNX được công bố mỗi quý một lần trên trang thông tin chính thức của HSX và HNX.

Chỉ tiêu phân loại cổ phiếu niêm yết của công ty được phân loại như sau:

- Nhóm 1: Cổ phiếu thuộc rổ VN30 và HNX30
- Nhóm 2: Cổ phiếu thuộc rổ VN Midcap và HNX Midcap
- Nhóm 3: Cổ phiếu thuộc rổ VN Smallcap và HNX Smallcap.

Chỉ tiêu sàng lọc cổ phiếu dựa trên “Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index” và chuẩn phân ngành dành GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn

phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE: www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ sáu (06) tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

Việc quyết định góp vốn đầu tư cổ phiếu niêm yết của công ty phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Tỷ trọng đầu tư cho mỗi nhóm cổ phiếu không được vượt quá 80% (tám mươi phần trăm) số vốn huy động từ nhà đầu tư của công ty.
- Tỷ trọng góp vốn đầu tư một cổ phiếu trong danh mục không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) số vốn huy động từ nhà đầu tư của công ty.

Việc đánh giá rủi ro của từng cổ phiếu được bộ phận quản trị rủi ro đánh giá hằng ngày để đưa ra những quyết định kịp thời để đảm bảo an toàn cho tiền gửi của nhà đầu tư, tránh những trường hợp rủi ro như đã được trình bày ở mục IV. Bộ phận quản trị rủi ro sẽ quyết định cụ thể những trường hợp có thể vay để đầu tư cổ phiếu, những quyết định giải ngân, góp vốn từng mã cổ phiếu cụ thể sẽ được AF1 công bố hằng ngày trên trang thông tin điện tử chính thức của công ty.

6. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN CÁC KHOẢN GÓP VỐN

Công ty sẽ chủ yếu góp vốn đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn vốn hóa thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Công ty sẽ kết hợp cả chiến lược góp vốn tập trung vào các cổ phiếu tăng trưởng, cổ phiếu giá trị và ngắn hạn. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, AF1 đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành các công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, AF1 sẽ đánh giá liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Công ty sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu để góp vốn đầu tư và lựa chọn các công ty trong ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục góp vốn của công ty là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

7. ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Việc điều chỉnh Mục Tiêu Đầu Tư, Phân Bố Tài Sản và Chiến Lược Đầu Tư của công ty được đề cập ở các Mục 2, 3, 4 như trên được AF1 điều chỉnh theo tình hình của thị trường và tình hình hoạt động của các công ty mà AF1 đang góp vốn để đầu tư. Các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản Cáo Bạch này.

8. CÁC RỦI RO CHỦ YẾU

Các nhà đầu tư phải nhận thức được rằng họ có chịu rủi ro mất vốn khi đầu tư góp vốn vào Công ty. Phần IV chỉ ra những rủi ro có thể xảy ra, một cách riêng lẻ hoặc kết hợp, liên quan đến việc quản trị vốn của công ty. Nhà đầu tư phải xem xét kế hoạch phân bổ nguồn vốn hợp lý. Rủi ro phát sinh khi công ty mất khả năng thanh toán phần gốc và lợi nhuận cho nhà đầu tư.

9. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Thông tin về kết quả hoạt động góp vốn của Công ty sẽ được công bố định kỳ đến Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử của Công ty và trong các báo cáo đầy đủ hàng tháng gửi đến nhà đầu tư.

10. LỢI NHUẬN THAM CHIẾU

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng sự chênh lệch giữa lợi nhuận huy động và lợi nhuận trung bình giản đơn công ty góp vốn. Dữ liệu về lợi nhuận huy động được dựa theo lợi nhuận huy động kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank tại thời điểm ngày đầu tiên của mỗi năm.

VIII. CHÍNH SÁCH LỢI TỨC

Nhà đầu tư có thể lựa chọn việc nhận phần lợi nhuận của hợp đồng góp vốn bằng tiền mặt theo định kỳ hoặc dùng để tái góp vốn và nhận lợi nhuận cuối kỳ:

- Lựa chọn nhận phần lợi nhuận của hợp đồng góp vốn bằng tiền theo định kỳ sẽ được khách hàng lựa chọn ngay từ ban đầu khi tiến hành ký kết hợp đồng góp vốn.
- Lựa chọn tái góp vốn và nhận lợi nhuận cuối kỳ: Nhà đầu tư muốn dùng phần tiền lợi nhuận định kỳ để tiếp tục tái góp vốn theo các điều khoản của hợp đồng hiện hữu với thời hạn còn lại của hợp đồng. Đến thời điểm kết thúc hợp đồng, nhà đầu tư sẽ nhận được phần vốn gốc và toàn bộ phần lợi nhuận phát sinh từ các kỳ lợi nhuận tái đầu tư.
- Lợi nhuận của hợp đồng góp vốn sẽ được chi trả trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của kỳ trả lợi nhuận được quy định rõ trong hợp đồng góp vốn, sau khi được khấu trừ các loại thuế có liên quan. Tiền lợi nhuận được chi trả sẽ phải chịu các loại thuế áp dụng cho nhà đầu tư.

Minh họa: Nhà đầu tư tiến hành ký hợp đồng góp vốn với số tiền ban đầu là 100 triệu đồng, thời hạn 12 tháng, với lợi nhuận 12%/năm, kỳ trả lợi nhuận định kỳ 3 tháng 1 lần.

- Nếu nhà đầu tư lựa chọn nhận lợi nhuận định kỳ 3 tháng thì số tiền nhận tương ứng từng kỳ là:

- Kỳ 1: 3 triệu đồng
- Kỳ 2: 3 triệu đồng
- Kỳ 3: 3 triệu đồng
- Kỳ 4: 3 triệu đồng + 100 triệu đồng

Tổng số tiền nhà đầu tư nhận được khi thực hiện đến cuối hợp đồng là 112 triệu đồng.

- Nếu nhà đầu tư lựa chọn tái góp vốn và nhận lợi nhuận cuối kỳ thì số tiền nhà đầu tư nhận được khi đến cuối thời gian của hợp đồng là:

$$100 * (1 + 0.03)^4 = 112.550881 \text{ triệu đồng.}$$

Nhà đầu tư phải nêu rõ lựa chọn của mình trong hai lựa chọn trên ngay khi ký kết hợp đồng góp vốn đầu tư. Nếu nhà đầu tư không đưa ra quyết định thì lựa chọn nhận tiền lợi nhuận của hợp đồng góp vốn bằng tiền theo định kỳ sẽ được tự động áp dụng.

IX. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. TÊN VÀ LOẠI HÌNH ĐẦU TƯ CỦA SẢN PHẨM

Hợp đồng góp vốn đầu tư lợi nhuận cố định. Sản phẩm có chiến lược góp vốn đầu tư cổ phiếu cân bằng theo danh mục HOSE-Index, HNX-Index. Ngoài ra còn một số tài sản cố định, trái phiếu và một lượng nhỏ các tài sản khác trong danh mục.

2. NGUYÊN TẮC HUY ĐỘNG

Vốn huy động từ những đợt chào bán sản phẩm phù hợp với mức lợi nhuận hiện tại của thị trường chứng khoán nói chung và đảm bảo được tính thanh khoản cho tài khoản của nhà đầu tư. Tiền của nhà đầu tư được góp vốn để đầu tư vào những cổ phiếu có tính an toàn cao và thanh khoản tốt để đảm bảo được nguyên tắc quản trị rủi ro trên thị trường chứng khoán và của công ty. Thỏa thuận về lợi nhuận và thời hạn hợp đồng trên cơ sở tính tự nguyện và nhu cầu của hai bên dựa trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Việc huy động vốn của công ty dựa trên nguyên tắc sau:

- Lợi nhuận huy động: (“**Lợi nhuận bình quân**” + “**Biên lợi nhuận của sản phẩm**”) và không vượt quá 13%/năm (mười ba phần trăm).
- Đơn vị huy động là VND (Việt Nam Đồng).

- Số tiền huy động và góp vốn mua cổ phiếu phải đảm bảo được tỷ lệ tối ưu và thể hiện được tính hiệu quả trong việc đầu tư của công ty.
- Đảm bảo số dư tiền mặt trong trường hợp khách hàng có nhu cầu rút tiền mặt khẩn cấp.
- Minh bạch trong quá trình quản lý tiền của nhà đầu tư.
- An toàn trong quá trình góp vốn đầu tư cổ phiếu.

3. PHƯƠNG PHÁP CHÀO BÁN

Sản phẩm đầu tư được ký kết dưới dạng văn bản giữa hai bên với đầy đủ tư cách pháp nhân. Số tiền đầu tư sẽ được chuyển trực tiếp vào tài khoản công ty mở tại các ngân hàng sau:

<p>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) Người thụ hưởng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN THẦN 1 Số TK: 31010002283639 Tại ngân hàng: BIDV Chi nhánh TP.HCM Nội dung: HĐ – Mã số hợp đồng – Họ Tên Khách Hàng</p>
<p>NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) Người thụ hưởng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN THẦN 1 Số TK: 31010002162941 Tại ngân hàng: BIDV Chi nhánh TP.HCM Nội dung: HĐ – Mã số hợp đồng – Họ Tên Khách Hàng</p>
<p>NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VIETCOMBANK) Người thụ hưởng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN THẦN 1 Số TK: 0071001321673 Tại ngân hàng: Vietcombank Chi nhánh TP.HCM Nội dung: HĐ – Mã số hợp đồng – Họ Tên Khách Hàng</p>
<p>NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM (TECHCOMBANK) Người thụ hưởng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN THẦN 1 Số TK: 19134663159019 Tại ngân hàng: Techcombank Chi nhánh Phú Nhuận Nội dung: HĐ – Mã số hợp đồng – Họ Tên Khách Hàng</p>

4. PHƯƠNG THỨC TÍNH GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Giá trị tối thiểu của một hợp đồng góp vốn đầu tư lợi nhuận cố định là 100.000.000 VNĐ (một trăm triệu đồng). Giá trị thanh toán cuối kỳ được tính

bằng giá trị hợp đồng ban đầu cộng với phần lợi nhuận tính theo thời gian thực.

Mức lợi nhuận dành cho sản phẩm của công ty là

“Lợi nhuận bình quân” + “Biên lợi nhuận của sản phẩm”

Cụ thể:

- Thời hạn 3 (ba) tháng: Biên lợi nhuận của sản phẩm là 3.20%/năm. (Ba chấm hai mươi phần trăm một năm)
- Thời hạn 6 (sáu) tháng: Biên lợi nhuận của sản phẩm là 4.20%/năm. (Bốn chấm hai mươi phần trăm một năm)
- Thời hạn 12 (mười hai) tháng trở lên: Biên lợi nhuận là 5.20%/năm (Năm chấm hai mươi phần trăm một năm)

Thời gian trả lợi nhuận cho khách hàng theo chu kỳ mỗi 3 tháng. Mức lợi nhuận được tính theo năm và không cộng dồn.

Minh họa: Khách hàng ký hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền 1.000.000.000 VND (một tỷ đồng) với thời hạn 1 năm. Lợi nhuận bình quân đang ở mức 6.8%/năm. Biên lợi nhuận cho sản phẩm thời hạn 1 năm là 5.2%/năm.

Vậy, mức lợi nhuận dành cho sản phẩm là 6.8%/năm + 5.2%/năm = 12%/năm. Khách hàng nhận lợi nhuận theo chu kỳ 3 tháng. Mỗi 3 tháng khách hàng sẽ nhận được số lợi nhuận là 30.000.000 VND (ba mươi triệu đồng) qua tài khoản ngân hàng đã được đăng ký trước.

5. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Khách hàng sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản công ty đến tài khoản ngân hàng của khách hàng được đăng ký trên hợp đồng đã được ký kết bởi hai bên vào cuối kỳ thanh toán tiền lợi nhuận hoặc tất toán hợp đồng hoặc vào thời điểm cụ thể kèm theo những điều khoản ràng buộc đã được thống nhất bởi hai bên. Phí chuyển tiền được tính theo biểu mẫu của từng ngân hàng tại từng thời điểm nhất định.

Số tiền chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của khách hàng là số tiền sau khi đã trừ các loại phí, thuế có liên quan.

6. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Về thời hạn của hợp đồng, hợp đồng linh hoạt theo các mức thời gian tối thiểu 3 tháng. Các gói sản phẩm 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng, 24 tháng sẽ có những mức lợi nhuận khác nhau tùy theo nhu cầu của hai bên và tuân thủ theo nguyên tắc:

“Lợi nhuận” = “Lợi nhuận bình quân” + “Biên lợi nhuận của sản phẩm”

Và không quá 13%/năm (mười ba phần trăm một năm). Khách hàng sẽ ký hợp đồng trực tiếp với công ty với đầy đủ tư cách pháp nhân. Những trường hợp

tất toán trước hạn sẽ tuân thủ những điều khoản cụ thể quy định trong hợp đồng được ký kết giữa hai bên.

Trong trường hợp có nhu cầu rút trước hạn, khách hàng phải có yêu cầu bằng văn bản cho công ty trước 02 (hai) tuần để công ty đảm bảo tính thanh khoản cho các mã cổ phiếu đang được đầu tư. Trong trường hợp khách hàng cần tất toán sớm hơn thời hạn quy định. Phần biên lợi nhuận của sản phẩm sẽ không được tính vào số tiền tất toán. Khách hàng sẽ nhận được phần tiền gốc kèm theo khoản lợi nhuận từ lợi nhuận bình quân.

Minh họa: Khách hàng ký hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền 1.000.000.000 VND (một tỷ đồng) với thời hạn 01 năm. Lợi nhuận bình quân đang ở mức 6.8%/năm. Biên lợi nhuận cho sản phẩm thời hạn 1 năm là 5.2%/năm.

Vậy, mức lợi nhuận dành cho sản phẩm là 6.8%/năm + 5.2%/năm = 12%/năm. Sau 6 tháng, khách hàng tất toán hợp đồng trước 2 tuần với công ty. Phần lợi nhuận khách hàng sẽ nhận được là:

$$1.000.000.000 + 1.000.000.000 * 6.8\% * 6 \text{ (tháng)} / 12 \text{ (tháng)} \\ = 1.034.000.000 \text{ VND}$$

7. CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG

Hợp đồng góp vốn của khách hàng với công ty là hợp đồng được ký kết giữa hai pháp nhân có đầy đủ năng lực pháp lý và không có quyền chuyển nhượng cho bất kỳ cá nhân nào khác cho đến khi hợp đồng được tất toán khi đến hạn hoặc một trong hai bên chủ động chấm dứt và có sự đồng ý của phía bên kia bằng văn bản.

X. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. CÁC BÊN LIÊN DOANH VÀ ĐỐI TÁC

a. CTCP Chứng khoán Tân Việt (“TVSI”)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI) được thành lập ngày 28/12/2006. TVSI hội tụ đầy đủ sức mạnh đến từ nhân lực, công nghệ và nguồn vốn. TVSI chú trọng phát triển theo hướng kinh doanh mới nhằm cung cấp các dịch vụ tài chính trọn gói, dịch vụ môi giới chú trọng tới Khách hàng.

Với số vốn điều lệ khi mới thành lập năm 2006 là 55 tỷ đồng, sau 4 lần tăng vốn đến tháng 12/2018 TVSI đã chính thức hoàn thành tăng vốn điều lệ lên mức 1.080 tỷ đồng. Đây là dấu mốc quan trọng nâng vị thế TVSI gia nhập nhóm các công ty chứng khoán có quy mô vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng trên thị trường. TVSI hiện có mạng lưới giao dịch rộng khắp các thành phố lớn của cả nước với 1 trụ sở chính và 12 chi nhánh, phòng giao dịch. Với vị thế TOP 10 thị phần môi giới HNX năm 2016, TVSI đã và đang khẳng định vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay.

Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của mình, trải qua nhiều sự biến động của thị trường chứng khoán, TVSI luôn đứng vững và phát triển mạnh mẽ với kết quả hoạt động lợi nhuận 10 năm liên tục, thị phần và khách hàng tăng trưởng. TVSI được biết đến là công ty chứng khoán triển khai giao dịch chứng khoán trực tuyến đầu tiên trên thị trường, các dịch vụ chuyên biệt đã được khách hàng cùng các tổ chức uy tín trong và ngoài nước chứng nhận, vinh danh.

GIẢI THƯỞNG



Công ty Chứng khoán có
HỆ THỐNG GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN TRỰC TUYẾN
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016



2009-2010 2010-2011
Sản phẩm
GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN TỐT NHẤT
2 năm liên tiếp do NĐT bình chọn



Cúp
THƯƠNG HIỆU CHỨNG KHOÁN UY TÍN



TVSI vinh dự là một trong
500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
LỚN NHẤT VIỆT NAM



Top 500 doanh
nghiệp có lợi nhuận
tốt nhất năm 2018



Công ty phát triển
mạng lưới môi giới nhanh
nhất Việt Nam 2018



Sản phẩm giao dịch
chứng khoán kỳ quỹ tốt
nhất Việt Nam 2017

b. CTCP Chứng khoán Rồng Việt (“VDSC”)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (Rồng Việt) được thành lập từ tháng 12/2006 với các cổ đông sáng lập là các tổ chức tài chính, thương mại hàng đầu Việt Nam như Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra), Công ty cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long (VDFM) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu kết hợp với các chuyên gia uy tín và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngày 25/05/2010, Rồng Việt đã chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VDS.

Ngày 19/07/2017, Rồng Việt chính thức chuyển sàn niêm yết sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ngày 17/7/2018, Rồng Việt tăng vốn điều lệ lên hơn 1,000 tỷ đồng.

Rồng Việt hiện có một hội sở và ba chi nhánh trên cả nước, hoạt động trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh chứng khoán bao gồm: Môi giới

chứng khoán; Tư vấn Tài chính & Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tư
 doanh; Bảo lãnh phát hành; Lưu ký chứng khoán; Chứng khoán Phái
 sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch Chứng khoán
 Phái sinh.



Rõng Việt vinh dự nhận bằng khen
 từ Bộ Tài Chính



Rõng Việt được
 vinh danh là Thành
 viên tiêu biểu trong
 hoạt động lưu ký
 chứng khoán năm
 2018



Rõng Việt được vinh danh là thành
 viên tiêu biểu về tư vấn niêm yết
 và đấu giá trên HOSE



Công ty chứng khoán tiêu biểu
 2017- 2018 hạng mục tư vấn phát
 hành đo diễn đàn M&A bình chọn



Rõng Việt đón nhận "mưa" giải
 thưởng tại Asiamoney Brokers Poll
 2017



Giải thưởng "Công
 ty chứng khoán Tư
 vấn IPO tiêu biểu"



Top 50 "Báo cáo thường niên" tốt
 nhất 2017



Top 3 CTCK tiên bộ vượt bậc tại
 Asiamoney Brokers Poll 2016

c. CTY TNHH Phoenix Venture ("PVL")

Phoenix Venture là tổ chức quản lý quỹ cá nhân gồm các chuyên viên
 quản lý tài khoản có kinh nghiệm lâu năm tại những công ty chứng
 khoán tại Việt Nam và Quốc tế. Phoenix Venture dựa trên cơ cấu danh
 mục đầu tư đa dạng, dựa trên sự chênh lệch giá các sản phẩm tài sản
 cơ bản (cổ phiếu Việt Nam, chỉ số Cổ phiếu Việt Nam, Mỹ, châu Âu và
 các sản phẩm tài chính ngoại tệ, hàng hóa, chỉ số cổ phiếu) chủ
 động tìm kiếm lợi nhuận cho tổ chức và Nhà Đầu Tư. Tài sản của Nhà
 Đầu Tư sẽ được quản lý, cơ cấu danh mục hợp lý, bám sát thị trường
 vi mô và vĩ mô tại từng thời điểm cụ thể.

Ngoài ra Phoenix Venture còn thực hiện các dịch vụ hỗ trợ tài chính
 khác bao gồm IR, đại lý đấu giá và môi giới.

2. BAN ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Ban Đại Diện công ty được lập ra để giám sát hoạt động của AF1 và các nhà
 cung cấp dịch vụ với đại đa số thành viên độc lập với AF1 và với công ty giám
 sát để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư của công ty. Vai trò và chức năng của
 Ban Đại Diện công ty được điều chỉnh bởi Luật và Điều Lệ (như được tóm tắt
 ở mục XIV).

Ban Đại Diện công ty được AF1 đề xuất hằng năm. Các thành viên của Ban Đại Diện công ty bao gồm:

1. Ngô Phạm Thanh Toàn – Thành viên độc lập – Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
2. Ông Huỳnh Quốc Trung – Thành viên độc lập
3. Ông Nguyễn Vũ Cường – Thành viên độc lập
4. Ông Nguyễn Vĩnh Khương – Thành viên độc lập

3. NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Công ty chứng khoán giám sát và lưu ký:

Các công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Công ty, hợp đồng kinh tế và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Công ty; giám sát hoạt động góp vốn của Công ty. Công ty chứng khoán phải độc lập với Công ty, có các nhân viên đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nghĩa vụ pháp lý trong vai trò của mình.

Công ty chứng khoán sẽ lưu ký tất cả chứng khoán và các công cụ khác thuộc về Công ty một cách an toàn để đảm bảo các việc mua bán các chứng khoán được thực hiện một cách suôn sẻ và kịp thời khi cần thiết để bảo vệ lợi ích tốt nhất của nhà đầu tư, và đảm bảo rằng tất cả quyền lợi liên quan đến tài sản được bảo vệ. Công ty chứng khoán sẽ thu phí từ Công ty theo hợp đồng các dịch vụ cung cấp.

b. Tài khoản giao dịch chứng khoán

Công ty sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán ở các công ty chứng khoán sau:

- **Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt**

Tầng 08 Sailling Tower, 51 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1, TPHCM

Đăng ký kinh doanh số: 0305299779

- **Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt**

141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TPHCM

Đăng ký kinh doanh số: 0304734965

- **Công ty cổ phần chứng khoán Tân Việt**

193 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TPHCM

Đăng ký kinh doanh số: 0102117529

XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Công ty có nghĩa vụ, theo Điều lệ và theo thông lệ Quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động với mục tiêu bảo toàn lợi ích của người gửi tiền và quản lý một cách công bằng, minh bạch đối với tất cả các khoản đầu tư do Công ty quản lý. Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công ty sẽ thông báo cho Ban đại diện để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.

Trong tất cả các trường hợp, các giao dịch phải là giao dịch công bằng và bảo toàn lợi ích của người gửi tiền.

Tất cả các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích tiềm tàng phải được tư vấn và chấp thuận bởi Công ty và phải được công bố cho người gửi tiền. Tuy nhiên Công ty sẽ cố gắng hết sức để tránh các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích dẫn đến các rủi ro không thể quản lý được làm ảnh hưởng đến lợi ích của người gửi tiền.

Người có liên quan của Công ty được phép tham gia vào các sản phẩm Đầu tư và Góp vốn đầu tư của Công ty theo phương thức giống như các nhà đầu tư khác.

XII. THUẾ

1. ĐỐI VỚI CÔNG TY

a. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ “*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính*” thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ là 20%.

b. Thuế Giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của *Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành*. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là: 10%.

2. ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lợi nhuận chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0.1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0.1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

+ Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lợi nhuận trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

+ Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

XIII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Năm tài chính của công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1. BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Hàng tháng, quý, năm AF1 sẽ gửi thống kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị huy động và thay đổi tài sản của công ty và các báo cáo khác theo luật định cho nhà đầu tư. Những thay đổi về tiền, danh mục cổ phiếu, hạn mức góp vốn đầu tư, những thay đổi liên qua đến tiền gửi sẽ được AF1 cập nhật hằng ngày trên trang thông tin điện tử chính thức tại www.af1.vn

2. BÁO CÁO CÔNG TY

AF1 sẽ công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin sau:

- Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- Báo cáo hoạt động quản lý tài sản của công ty theo niên độ bán niên và cả năm do SSC quy định;
- Báo cáo thống kê chi phí giao dịch mua bán, các hoạt động đầu tư của công ty hằng năm và bán niên;
- Báo cáo tài chính của công ty theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do SSC quy định;
- Báo cáo hoạt động của công ty và thống kê chi phí giao dịch cũng sẽ được bổ sung vào Bản Cáo Bạch cập nhật sau một năm hoạt động và sẽ được cập nhật ít nhất là một lần một năm.

3. BÁO CÁO BẤT THƯỜNG

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho nhà đầu tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của công ty phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo

cáo trước khi hợp nhất hoặc sáp nhập công ty hay các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện công ty.

4. GỬI BÁO CÁO

Các báo cáo của công ty sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của AF1, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử của nhà đầu tư khi có yêu cầu. Các báo cáo sẽ được cung cấp đến các Đại Lý Phân Phối nếu có yêu cầu. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên và 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà đầu tư có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XIV. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ

Nội dung của Điều lệ AF1 bao gồm 6 chương và 55 điều. Nội dung của Điều Lệ được tóm tắt như sau:

Chương I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Chương này cung cấp các thông tin liên quan đến tên, địa chỉ, nguyên tắc tổ chức của công ty, vốn điều lệ khi thành lập là 50.000.000.000 VNĐ (năm tỷ đồng).

Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Chương này cung cấp cho nhà đầu tư những thông tin bao gồm:

Vốn điều lệ của công ty: **50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)**

Số vốn này được chia thành: **5.000.000 cổ phần**

Mệnh giá mỗi cổ phần: **10.000 đồng (Mười nghìn đồng)**

Trong đó:

+ Tổng số cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua: **5.000.000 cổ phần**

+ Tổng số cổ phần dự kiến chào bán: **0 cổ phần**

Các cổ đông mua cổ phần cụ thể như trong điều 7 của Điều lệ công ty

Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:

- Đại Hội đồng cổ đông: gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị AF1 bao gồm:

1/ NGUYỄN THANH HOÀNG

2/ NGUYỄN DUY ANH

3/ NGUYỄN THANH HUY

4/ VÕ THỊ DIỄM AN

5/ ĐÀO MINH DUY

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN THANH HOÀNG
- Tổng Giám đốc: NGUYỄN DUY ANH

Chương IV: THỐNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận phân phối của công ty được xác định trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán được xác nhận có sẵn lợi nhuận để phân phối và sau khi được Ban Đại Diện công ty thông qua. Lợi nhuận có thể được trả bằng tiền hoặc để cổ đông tái đầu tư vào công ty.

Chương V: THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được các cổ đông sáng lập thông qua và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập công ty đều được ghi vào mục chi phí của công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên đầu tiên.

Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định tại Điều 192, 193, 194, 195, 196 của Luật doanh nghiệp.

Chương VI: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hiệu lực của Điều lệ có hiệu lực từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thể thức họp, thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Điều 34 và Điều 38 của Bản điều lệ này. Bản điều lệ này đã được các cổ đông sáng lập xem xét từng chương từng điều và cùng ký tên chấp thuận.

XV. LIÊN LẠC

Để biết thêm thông tin chung, liên hệ:

Công ty Cổ phần Đầu tư THIÊN THẦN 1

Địa chỉ: 35 Bến Vân Đồn, P12, Q4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: +84 286 650 3944

Fax: +84 286 650 3944

Email: info@af1.vn

Với các câu hỏi về sản phẩm và dịch vụ, xin liên hệ:

Nhân viên Quan hệ Khách hàng

Email: Investor@af1.vn hoặc info@af1.vn

Điện thoại: +84 899 88 0577

XVI. CAM KẾT

Công ty AF1 cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác và trung thực của các thông tin ở Bản Cáo Bạch này và các tài liệu đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIÊN THẦN 1



TGD. NGUYỄN DUY ANH